

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Chuyên ngành: Luật quốc tế

Định hướng: Nghiên cứu

Mã số: 8380101.06

*(Ban hành theo Quyết định số 871 /QĐ-ĐHQGHN, ngày 27 tháng 3 năm 2019
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Luật quốc tế
 - + Tiếng Anh: International Law
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8380101.06
- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Luật
 - + Tiếng Anh: Law
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Luật
 - + Tiếng Anh: The Degree of Master in Law
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Luật, ĐHQGHN.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ luật chuyên ngành Luật quốc tế theo định hướng nghiên cứu có mục tiêu đào tạo những chuyên gia có kiến thức toàn diện, hiện đại và chuyên sâu về khoa học luật quốc tế (Công pháp quốc tế và Tư pháp quốc tế); có năng lực, kỹ năng và phẩm chất phù hợp để hoàn thành các công việc chuyên môn theo chuyên ngành đào tạo, đáp ứng tốt các yêu cầu của thị trường lao động và xã hội. Chương trình đào tạo cũng cung cấp những nền tảng cần thiết về tư duy, kiến thức, kỹ năng để người học có thể tự học tập, nghiên cứu hoặc tiếp tục học lên ở các bậc học cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

Chương trình đào tạo trang bị cho người học những kiến thức toàn diện, ở trình độ nâng cao về công pháp và tư pháp quốc tế, như: Luật điều ước quốc tế;

Luật về các tổ chức quốc tế; Luật hàng hải quốc tế; Luật hình sự quốc tế; Luật môi trường quốc tế; Luật kinh tế quốc tế; Luật thương mại quốc tế; bảo hộ quốc tế về sở hữu trí tuệ; giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế... Đặc biệt, chương trình còn trang bị cho người học những kiến thức về chủ quyền và vấn đề bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam trên bình diện pháp lí. Chương trình cũng nhằm trang bị cho người học tư duy pháp lí mang tính hệ thống để có thể giải quyết các công việc chuyên môn từ đơn giản tới phức tạp một cách chính xác và hiệu quả nhất.

2.2.2. Về kĩ năng

Chương trình đào tạo trang bị cho người học các kĩ năng cần thiết để có thể nghiên cứu các vấn đề lí luận và thực tiễn về khoa học luật quốc tế ở cấp độ quốc gia, khu vực và quốc tế một cách độc lập, sáng tạo; phân tích, đánh giá các vấn đề pháp lí về chủ quyền quốc gia phù hợp với quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam và quan niệm chung của cộng đồng quốc tế; có kĩ năng tham gia vào quá trình xây dựng, hoàn thiện, phổ biến và giáo dục về pháp luật quốc tế cũng như việc xử lí các công việc, hoạt động liên quan đến pháp luật quốc tế ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị mà người học công tác.

2.2.3. Về năng lực

Với những kiến thức, kĩ năng đã trang bị cho người học, Chương trình đào tạo nhằm giúp người học sau khi tốt nghiệp có đầy đủ năng lực để đảm nhận những cương vị công tác như: làm việc tại các cơ quan bảo vệ pháp luật; giảng dạy-nghiên cứu tại các trường đại học, viện nghiên cứu; làm việc cho các cơ quan xây dựng, áp dụng hoặc thực thi pháp luật như các cơ quan của chính phủ, hay các công ty luật hoặc các tổ chức quốc tế.

2.2.4. Về phẩm chất đạo đức

Chương trình đào tạo hướng tới mục tiêu hình thành hoặc phát triển các phẩm chất đạo đức cá nhân, nghề nghiệp và xã hội cho người học theo chuẩn mực của một luật gia, đặc biệt trong lĩnh vực pháp luật quốc tế.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

Thi tuyển với các môn sau:

- Môn thi cơ bản: Đánh giá năng lực
- Môn thi Cơ sở: Lí luận chung về nhà nước và pháp luật
- Môn Ngoại ngữ: Chọn 1 trong 5 thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc.

3.2. Đối tượng tuyển sinh

- Có lí lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Luật hoặc phù hợp với ngành Luật;
- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của ĐHQGHN và của Khoa Luật.

3.3. Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp

3.3.1. *Ngành đúng:* Luật.

3.3.2. *Danh mục ngành phù hợp*

- Luật kinh tế, Luật quốc tế, Luật kinh doanh, Luật thương mại quốc tế.

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

- Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của triết học Mác – Lênin nhằm giải quyết các vấn đề lí luận và thực tiễn trong chuyên ngành đào tạo;
- Áp dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lí phục vụ cho công việc học tập, nghiên cứu khoa học, viết và bảo vệ luận văn tốt nghiệp cũng như trong các hoạt động chuyên môn sau khi kết thúc khóa học;
- Vận dụng kiến thức cơ sở để giải quyết những vấn đề liên quan đến chuyên ngành đào tạo, đặc biệt là những vấn đề lí luận và thực tiễn chuyên sâu về công pháp và tư pháp quốc tế;
- Vận dụng tổng hợp kiến thức chuyên ngành, tư duy pháp lí hệ thống để giải quyết các công việc có liên quan đến luật quốc tế;
- Viết và bảo vệ thành công luận văn tốt nghiệp. Luận văn là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có đóng góp mới cho việc giải quyết vấn đề khoa học, lí luận hoặc thực tiễn đang đặt ra; góp phần xây dựng, hình thành khung lí thuyết mới, tư tưởng mới phù hợp với chuyên ngành luật quốc tế;
- Phân tích, đánh giá, phản biện các quy định, chính sách của Đảng, Nhà nước về luật quốc tế;
- Vận dụng kiến thức lí thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ liên quan đến lĩnh vực được đào tạo;
- Sử dụng hiệu quả ngoại ngữ trong học tập, nghiên cứu và công việc chuyên môn (năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam).

2. Về kĩ năng

2.1. Kĩ năng nghề nghiệp

- Áp dụng các nguyên tắc, quy định của luật quốc tế để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn công tác; tổ chức thực hiện các công việc chuyên môn; hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;



- Phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, dự báo các vấn đề lí luận và thực tiễn liên quan đến luật quốc tế; so sánh với lí luận và kinh nghiệm thực tiễn nước ngoài để từ đó rút ra các bài học có thể áp dụng vào điều kiện của Việt Nam;

- Phát hiện vấn đề, tổ chức nghiên cứu; thảo luận, đánh giá, phản biện các kết quả nghiên cứu; truyền đạt tri thức dựa trên kết quả nghiên cứu; tiếp nhận và ứng dụng các kết quả nghiên cứu những vấn đề lí luận và thực tiễn về luật quốc tế;

- Tư vấn pháp luật về công pháp và tư pháp quốc tế; đề xuất các kiến nghị, giải pháp về luật quốc tế cho các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Cập nhật các kiến thức mới và thực tiễn áp dụng pháp luật về luật quốc tế trong nước và nước ngoài.

2.2. Kỹ năng bổ trợ

- Tra cứu thông tin, tài liệu; viết và trình bày kết quả nghiên cứu, báo cáo khoa học, luận văn tốt nghiệp;

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm để giải quyết công việc một cách logic, sáng tạo;

- Sử dụng năng lực ngoại ngữ chuyên ngành ở mức độ có thể hiểu và diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết báo cáo liên quan đến công việc, trình bày các ý kiến và phản biện một vấn đề chuyên môn bằng ngoại ngữ.

3. Về phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Chuẩn mực trong lời nói và hành vi;

- Cảm thông, chia sẻ khó khăn cùng người khác; thân thiện với bạn bè, đồng nghiệp, đối tác và khách hàng;

- Cầu thị trong học tập và lao động, chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo; sẵn sàng đương đầu với khó khăn, thử thách;

- Chủ động, tự tin trong công việc, dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Thúc đẩy công lí, công bằng và nhân đạo trong thực tiễn công tác; bản lĩnh, trung thực, khách quan;

- Cầu tiến, hợp tác, thân thiện với đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc;

- Chuyên nghiệp, nghiêm túc, sáng tạo, khoa học và có trách nhiệm với công việc được giao.



3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Tự tôn dân tộc, ý thức đầy đủ về trách nhiệm công dân;
- Bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội; góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh;
- Đấu tranh với những sai phạm, những biểu hiện tiêu cực và vi phạm pháp luật.

4. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm

- Nghiên cứu, phát hiện, tư vấn và đề xuất những giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề lí luận, thực tiễn phát sinh thuộc chuyên ngành đào tạo; đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn và bảo vệ được các kết luận đó;
- Thích nghi, tự định hướng phát triển năng lực cá nhân trong môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; hướng dẫn người khác phát triển về năng lực chuyên môn;
- Xây dựng, thẩm định kế hoạch, quản lí hoạt động chuyên môn; nhận định, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

5. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Luật chuyên ngành Luật quốc tế, học viên có thể sử dụng các kiến thức và kĩ năng được đào tạo để tham gia và đảm nhiệm ở nhiều cương vị công tác khác nhau như:

- Nhóm 1: Công tác tại các cơ quan bảo vệ pháp luật như: Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án; Công tác tại các cơ quan nhà nước, bao gồm các cơ quan đảng và tổ chức chính trị-xã hội; Công tác tại các cơ quan chính quyền các cấp, gồm các cơ quan nhà nước trung ương và địa phương như Chính phủ, các Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp, Văn phòng quốc hội;
- Nhóm 2: Làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lí như luật sư, tư vấn viên trong các doanh nghiệp, văn phòng luật, văn phòng công chứng trong và ngoài nước; chuyên viên pháp chế trong các cơ quan Nhà nước, tư vấn viên trong các công ty, doanh nghiệp có yêu cầu sử dụng nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực pháp luật quốc tế trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty, doanh nghiệp;
- Nhóm 3: Làm việc cho các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế;
- Nhóm 4: Công tác giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về pháp luật, hành chính-chính trị, ngoại giao, biên giới - lãnh thổ... (các trung tâm, viện nghiên cứu; các trường đại học, cao đẳng...).

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Luật chuyên ngành Luật quốc tế, học viên có khả năng tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Học viên cũng có thể tiếp tục học lên ở bậc học cao hơn (tiến sĩ) tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	64 tín chỉ , trong đó:
- Khối kiến thức chung (bắt buộc):	08 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	36 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc</i> :	16 tín chỉ
+ <i>Tự chọn</i> :	20/40 tín chỉ
- Luận văn thạc sĩ:	20 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		8				
1	PHI5001	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	0	
2		Ngoại ngữ cơ bản (*) <i>Basic Foreign Languages</i>	4	35	15	10	
	ENG5001	Tiếng Anh cơ bản <i>Basic English</i>					
	RUS5001	Tiếng Nga cơ bản <i>Basic Russian</i>					
	FRE5001	Tiếng Pháp cơ bản <i>Basic French</i>					
	GER5001	Tiếng Đức cơ bản <i>Basic German</i>					
	CHI5001	Tiếng Trung cơ bản <i>Basic Chinese</i>					
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		36				
II.1	Các học phần bắt buộc <i>Compulsory Subjects</i>		16				
3	SOL6001	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lí <i>Legal research methods</i>	2	18	6	6	
4	INL6019	Những vấn đề chuyên sâu về Công pháp quốc tế <i>Specialized issues on Public International Law</i>	3	27	9	9	

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
5	INL6020	Những vấn đề chuyên sâu về Tư pháp quốc tế <i>Specialized issues on International private Law</i>	3	27	9	9	
6	INL6021	Những vấn đề chuyên sâu về Luật Thương mại quốc tế <i>Specialized issues on International Commercial Law</i>	3	27	9	9	
7	INL6044	Luật Kinh tế quốc tế <i>International Economic Law</i>	3	27	9	9	
8	INL6028	Luật Hình sự quốc tế <i>International Criminal Law</i>	2	18	6	6	
II.2	Các học phần tự chọn <i>Optional Subjects</i>		20/40				
9	INL6050	Nguồn và vấn đề pháp điển hóa Luật quốc tế hiện đại <i>Sources and the Codification of International Law</i>	3	27	9	9	
10	INL6051	Pháp luật về các tổ chức quốc tế <i>Laws on the International organizations</i>	3	27	9	9	
11	INL6030	Giải quyết các tranh chấp quốc tế theo Luật quốc tế hiện đại <i>The International disputes settlement in International Law</i>	3	27	9	9	
12	INL6052	Luật Biên Quốc tế <i>International Law of the sea</i>	3	27	9	9	
13	INL6036	Chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng sa và Trường Sa <i>Vietnam's Sovereignty Over Paracel Islands and Spartly Islands</i>	3	27	9	9	
14	INL6035	Luật Nhân đạo quốc tế <i>International humaniterian law</i>	2	18	6	6	
15	INL6025	Luật nhân quyền quốc tế <i>International human rights law</i>	2	18	6	6	
16	INL6053	Tổ chức và pháp luật ASEAN <i>Organisation and Law of ASEAN</i>	3	27	9	9	

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
17	INL6054	Pháp luật về đầu tư quốc tế <i>International investment Law</i>	3	27	9	9	
18	INL6055	Luật hàng không, vũ trụ quốc tế <i>International Law on aviation and outer space</i>	3	27	9	9	
19	INL6042	Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế <i>International sale of goods</i>	2	18	6	6	
20	INL6043	Vận tải hàng hóa bằng đường biển <i>Carriage of goods by Sea</i>	2	18	6	6	
21	INL6056	Bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ <i>International protection of intellectual property rights</i>	3	27	9	9	
22	INL6040	Pháp luật về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài <i>Law on international marriage and family relationships</i>	2	18	6	6	
23	INL6057	Hợp tác và tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại <i>Mutual Judicial Assistance and Cooperation in Commerce and Civil Masters</i>	3	29	9	9	
III	INL7201	Luận văn thạc sĩ	20				
Tổng cộng							

Ghi chú: (*) Học phần ngoại ngữ cơ bản là học phần điều kiện, có khối lượng 4 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ không tính trong điểm trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.